

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN***(Kèm theo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT)***TRƯỜNG: THCS PHAN BÁ PHIẾN****TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN****Họ và tên giáo viên: TRẦN THỊ THÚY HOANH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN****MÔN HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 9***(Năm học 2024 - 2025)***HỌC KỲ I (18 tiết)***(Từ tuần 1 đến tuần 18: 1 tiết/tuần)***HỌC KỲ II: (20 tiết)***Từ tuần 19 đến tuần 33 1 tiết /tuần, tuần 34, tuần 35 2 tiết/tuần***Kế hoạch giáo dục (phân môn Sinh học)**

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Thời điểm (3)	Thiết bị dạy học (4)	Địa điểm dạy học (5)
<b>* Phân môn Sinh học</b>					
<b>CHƯƠNG XI – DI TRUYỀN HỌC MELDEL. CƠ SỞ PHÂN TỬ CỦA HIỆN TƯỢNG DI TRUYỀN</b> <b>(9% = 13 Tiết)</b>					
1	<b>Bài 36.</b> Khái quát về di truyền học.	02	Tuần 1; 2	- Máy chiếu; - Tranh hình: 36.1 (SGK/160)	Lớp học
2	<b>Bài 37.</b> Các quy luật di truyền của Mendel.	02	Tuần 3; 4	- Máy chiếu; Bảng k.thức (SGK/162). - Tranh hình: 37.1 $\Rightarrow$ 3 (SGK/163 $\Rightarrow$ 165)	Lớp học
3	<b>Bài 38.</b> Nucleic acid và gene.	02	Tuần 5; 6	- Máy chiếu;	Lớp học

				- Tranh hình: 38.1 $\Rightarrow$ 3 (SGK/166 $\Rightarrow$ 169)	
4	<b>Bài 39.</b> Tái bản DNA và phiên mã tạo RNA.	02	Tuần 7; 8	- Máy chiếu; - Tranh hình: 39.1 $\Rightarrow$ 3 (SGK/170 $\Rightarrow$ 172)	Lớp học
6	<b>Bài 40.</b> Dịch mã và mối quan hệ từ gene đến tính trạng.	03	Tuần 9; 10; 11	- Máy chiếu; Bảng k.thức (SGK/173). - Tranh hình: 40.1 $\Rightarrow$ 5 (SGK/174 $\Rightarrow$ 176)	Lớp học
7	<b>Bài 41.</b> Đột biến gene.	02	Tuần 12; 13	- Máy chiếu; - Tranh hình: 41.1 $\Rightarrow$ 2 (SGK/178 $\Rightarrow$ 180)	Lớp học
<b>CHƯƠNG XII – DI TRUYỀN NHIỄM SẮC THỂ (7% = 10 Tiết)</b>					
8	<b>Bài 42.</b> Nhiễm sắc thể và bộ nhiễm sắc thể.	02	Tuần 14,15	- Dụng cụ: Kính hiển vi quang học; dầu soi kính hiển vi; giấy mềm; cồn 70 <sup>0</sup> ; máy ảnh. - Mẫu vật: tiêu bản cố định NST tế bào một số loài. - Tranh hình: 42.1 $\Rightarrow$ 6 (SGK/181 $\Rightarrow$ 184).	Phòng Sinh học
9	<b>Ôn tập cuối học kỳ I</b>	1	Tuần 16	- Hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập.	Lớp học
10	<b>Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ I</b>	1	Tuần 17	Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm	Phòng thi
11	<b>Bài 43.</b> Nguyên phân và giảm phân.	03	Tuần 18,19,20	- Máy chiếu; - Tranh hình: 43.1 $\Rightarrow$ 5 (SGK/186 $\Rightarrow$ 190)	Phòng Sinh học
12	<b>Bài 44.</b> Nhiễm sắc thể giới tính và cơ chế xác định giới tính.	01	Tuần 21	- Máy chiếu; Bảng k.thức (SGK/115). - Tranh hình: 44.1 $\Rightarrow$ 4 (SGK/191 $\Rightarrow$ 193)	Phòng Sinh học
13	<b>Bài 45.</b> Di truyền liên kết.	02	Tuần 22,23	- Máy chiếu; Bảng k.thức (SGK/196). - Tranh hình: 45.1 (SGK/195)	Phòng Sinh học
14	<b>Bài 46.</b> Đột biến nhiễm sắc thể.	02	Tuần 24,25	- Máy chiếu; Bảng k.thức (SGK/197). - Tranh hình: 46.1 $\Rightarrow$ 3 (SGK/198 $\Rightarrow$ 200)	Phòng Sinh học
<b>CHƯƠNG XIII – DI TRUYỀN HỌC VỚI CON NGƯỜI VÀ ĐỜI SỐNG (3% = 4 Tiết)</b>					
15	<b>Bài 47.</b> Di truyền học với con người.	02	Tuần 26; 27	- Máy chiếu; Bảng KT (SGK/205; 206). - Tranh hình: 47.1 $\Rightarrow$ 5 (SGK/201 $\Rightarrow$ 203)	Phòng Sinh học

17	<b>Bài 48.</b> Ứng dụng công nghệ di truyền và đời sống.	02	Tuần 28,29	- Máy chiếu; - Tranh hình: 48.1 $\Rightarrow$ 4(SGK/207 $\Rightarrow$ 209)	Phòng Sinh học
<b>CHƯƠNG XIV – TIẾN HÓA (6% = 8 Tiết)</b> (Giảm 01 tiết so với chương trình $\Rightarrow$ chuyển sang tiết ôn tập)					
18	<b>Bài 49.</b> Khái niệm tiến hóa và các hình thức chọn lọc.	02	Tuần 30, 31	- Máy chiếu; - Tranh hình: 49.1 $\Rightarrow$ 4 (SGK/211 $\Rightarrow$ 213)	Lớp học
19	<b>Bài 50.</b> Cơ chế tiến hóa.	01	Tuần 33	- Máy chiếu; - Tranh hình: 50.1 $\Rightarrow$ 4 (SGK/214 $\Rightarrow$ 218)	Lớp học
		01		- Hệ thống câu hỏi, bài tập ôn tập.	
20	<b>Kiểm tra cuối kì 2</b>	2	Tuần 34	Ma trận, bảng đặc tả, đề kiểm tra, hướng dẫn chấm	Phòng thi
21	<b>Bài 50.</b> Cơ chế tiến hóa.	02	Tuần 35	- Máy chiếu; - Tranh hình: 50.1 $\Rightarrow$ 4 (SGK/214 $\Rightarrow$ 218)	Lớp học
	<b>Bài 51.</b> Sự phát sinh và phát triển sự sống trên trái đất.	02		- Máy chiếu; - Tranh hình: 51.1 $\Rightarrow$ 5 (SGK/219 $\Rightarrow$ 223)	

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):** (Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục)

- Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học
- Bồi dưỡng học sinh giỏi môn Khoa học tự nhiên (Sinh)
- Tham gia tập huấn chuyên môn, sinh hoạt tổ nhóm cụm chuyên môn theo kế hoạch.

**TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Thị Thúy Hoanh**

Tam Tiến, ngày 3 tháng 9 năm 2024

**GIÁO VIÊN THỰC HIỆN**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Trần Thị Thúy Hoanh**